TRUYỆN TRANH SONG NGỮ VIỆT ANH

Walt Disney's Donald và bạn hữu

Tập 36

© Disney Enterprises, Inc.,
The Saigon Times hợp tác xuất bản
với Nhà Xuất bản Trẻ
Theo hợp đồng li-xăng của Walt Disney
danh cho Saigon Times

Anh hùng không chiến

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

THE SAIGON TIMES

https://tieulun.hopto.org

GOOFY

Kế hoạch xếp hàng

Người dịch : NHẬT HỒNG

1. Thưa ông McGee, tôi đã quét dọn xong! Còn phải làm gì nữa không ạ?

2. Có đây, cậu hãy vô trong này!

1. Well, Mr. McGee, I finished sweeping up! Anything else? *2. Yes, come inside!*

3. Những lon đồ hộp này phải được bày ra để bán!

4. Dạ được thôi!

5. Nếu cậu xếp chúng theo hình chóp thì khách hàng sẽ dễ dàng lấy chúng hơn!

3. These tinned goods must be put out on display! *4. Okey-dokey!*
5. If you stack them in a pyramid, it'll be easier for the customers to get at them!

6. Tôi có một việc vặt phải đi ra ngoài, Goofy à! Tôi sẽ trở lại trong vòng một giờ nữa!

7. Sau đó...

8. Tôi về rồi đây, Goofy! Cậu đã xếp xong những lon đồ hộp đó rồi chứ?

6. I have an errand to run, Goofy! I'll be back in an hour! *7. Later —*
8. I'm back, Goofy! Were you able to finish stacking the tinned goods?

9. Chắn chắn là đã xong rồi, thưa ông McGee!

10. Và tôi đã cẩn thận làm theo bản vẽ của ông một cách rất chính xác!

9. It was a cinch, Mr. McGee! *10. And I was real careful to follow your drawing exactly!*

• Chịu trách nhiệm xuất bản : **LÊ HOÀNG** - Giám đốc Nhà xuất bản Trẻ • Chịu trách nhiệm bản thảo : **NGUYỄN ĐÌNH NAM** - Phó TBT Thời báo Kinh tế Sài Gòn • Biên tập : **NGUYỄN TRÍ CÔNG** • Bìa 1 : **ÂU VIỆT DESIGN** • In tại Xí nghiệp in Lê Quang Lộc theo số đăng ký KHXB : 863/8/CXB (ngày 14-12-1996) và Giấy TNKHXB 377/97/NXB Trẻ. In xong và nộp lưu chiểu tháng 9-1997.
• Liên hệ quảng cáo : **PHÒNG QUẢNG CÁO TBKTSG**, 35 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.1, TPHCM. ĐT & Fax : (848) 8295742.
Giá : 3.500 đ

https://tieulun.hopto.org

VỊT DONALD

Anh hùng không chiến

Người dịch: SƠN TÙNG

1. Quyết định đi! Quyết định đi! Quyết định đi!

2. Tụi mình sẽ cất cái cúp năm nay ở đâu nè?

D96366

1. Decisions! Decisions! Decisions! *2. Where are we going to put this years trophy?*

3. Kệ của tụi mình thì chẳng còn một chỗ nào nữa! Nó chất đầy cúp biểu diễn mô hình máy bay mà chúng ta giật giải hồi mấy năm trước!

4. Có lẽ mình xài kệ của chú Donald! Ổng đâu có cái cúp nào đâu!

5. Có lẽ cái mà tụi mình cần là một cái kệ mới hơn, to hơn!

3. There isn't any room left on our shelf! It's loaded with all of our past model air show trophies! *4. Maybe we could use Unca Donald's shelf! He doesn't have any trophies!* *5. Maybe what we need is a newer, bigger shelf!*

6. Có lẽ cái mà bọn nhóc tự mãn tụi bay cần là bớt kênh kiệu một chút đi!

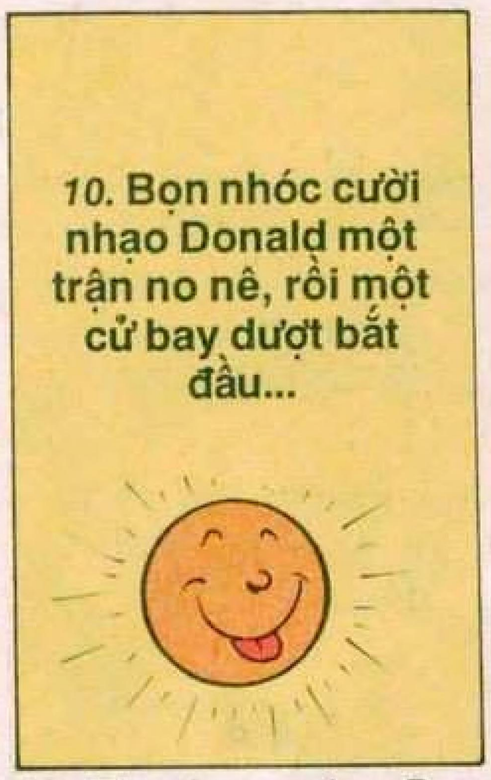
7. Ồ, vậy sao?

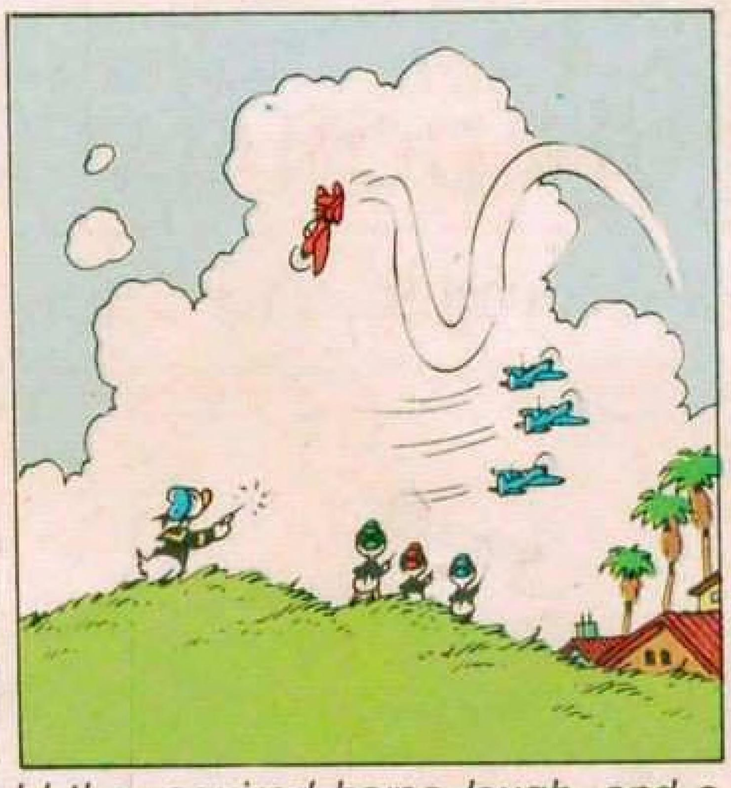
8. Và bằng cách nào, xin chú vui lòng cho biết?

9. Năm nay chú đã đăng ký dự thi cuộc tranh tài biểu diễn mô hình máy bay hàng năm "Mọi thứ xả láng"! Chú sẽ dùng kệ để đặt cúp giật giải của chú! Cám ơn mấy cháu lắm nghe!

6. Maybe what you smug little aeronauts need is to have your tabs trimmed! *7. Oh, so?* *8. And how, pray tell?* *9. This year I've entered the annual Anything Goes Model Air Show! I'll use my own shelf for my own trophy, thank you very much!*

https://tieulun.hopto.org





10. *The boys give Donald the required horse laugh, and a session of flight training begins —*

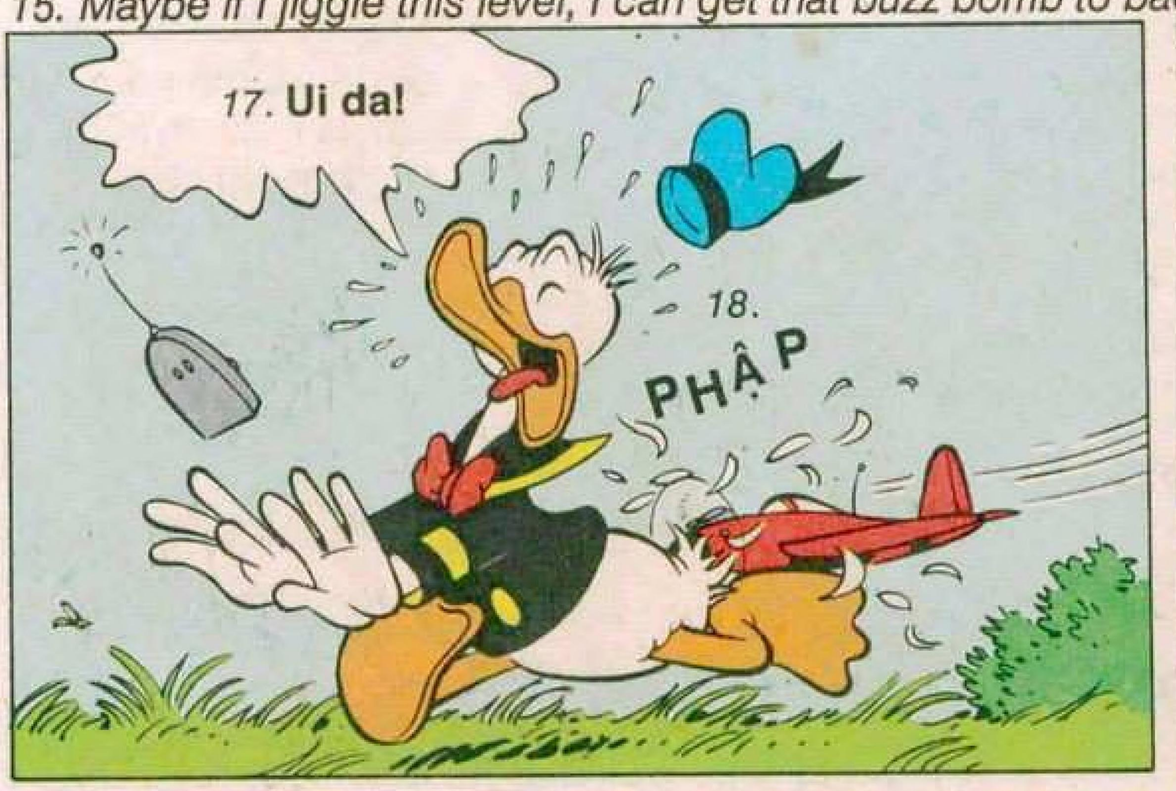


11. *Controlling this thing is trickier than I thought!*





12. *Yipes! It's coming right at me!* 13. *Looks like a low-level attack, Unca Donald! Better skedaddle!* 14. *BZZ*
15. *Maybe if I jiggle this level, I can get that buzz bomb to back off!* 16. *ZZZZ*





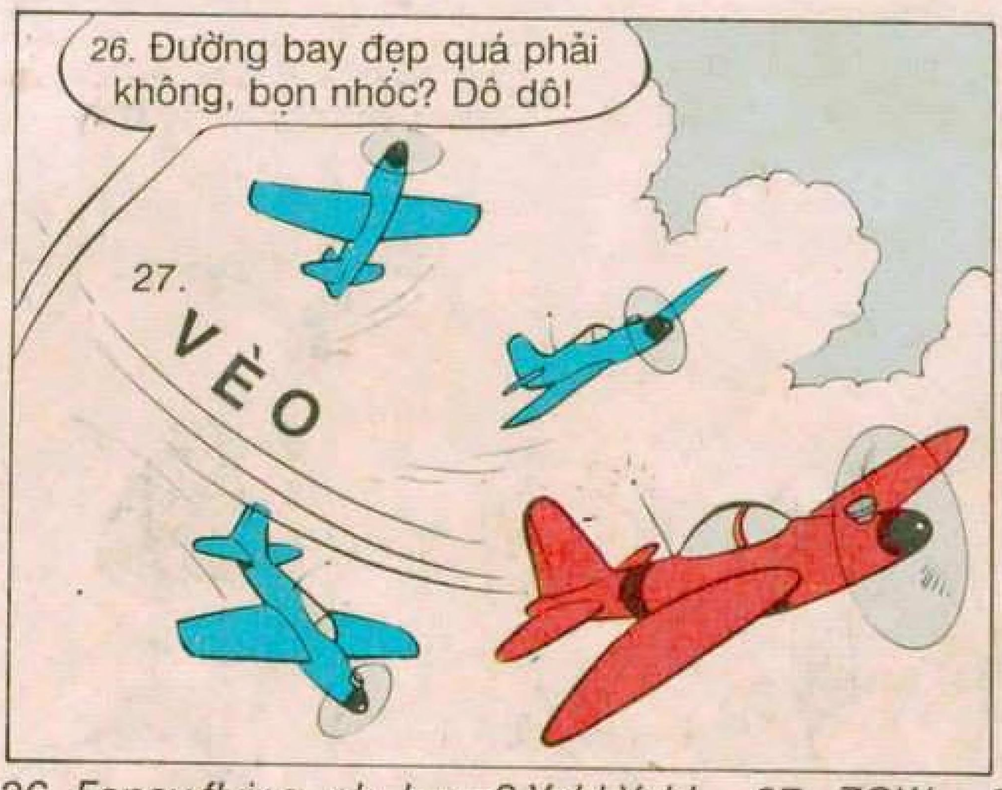
17. *YOWCH!* 18. *ZAZZ* 19. *Too bad, Unca Donald!* 20. *Maybe you should stick to paper airplanes! Hee! Hee!*





21. *Real aviators can do things like this!* 22. *And do them with ease!* 23. *VOOM* 24. *I'll show those prattling popinjays something I can do with ease!* 25. *ROAR*

https://tieulun.hopto.org



26. *Fancy flying, eh, boys? Yak! Yak!* 27. *ZOW*



flying, does he? 28. *Hey! No fair!* 29. *Unca Donald wants to see some fancy* 30. *Let's show him some!*



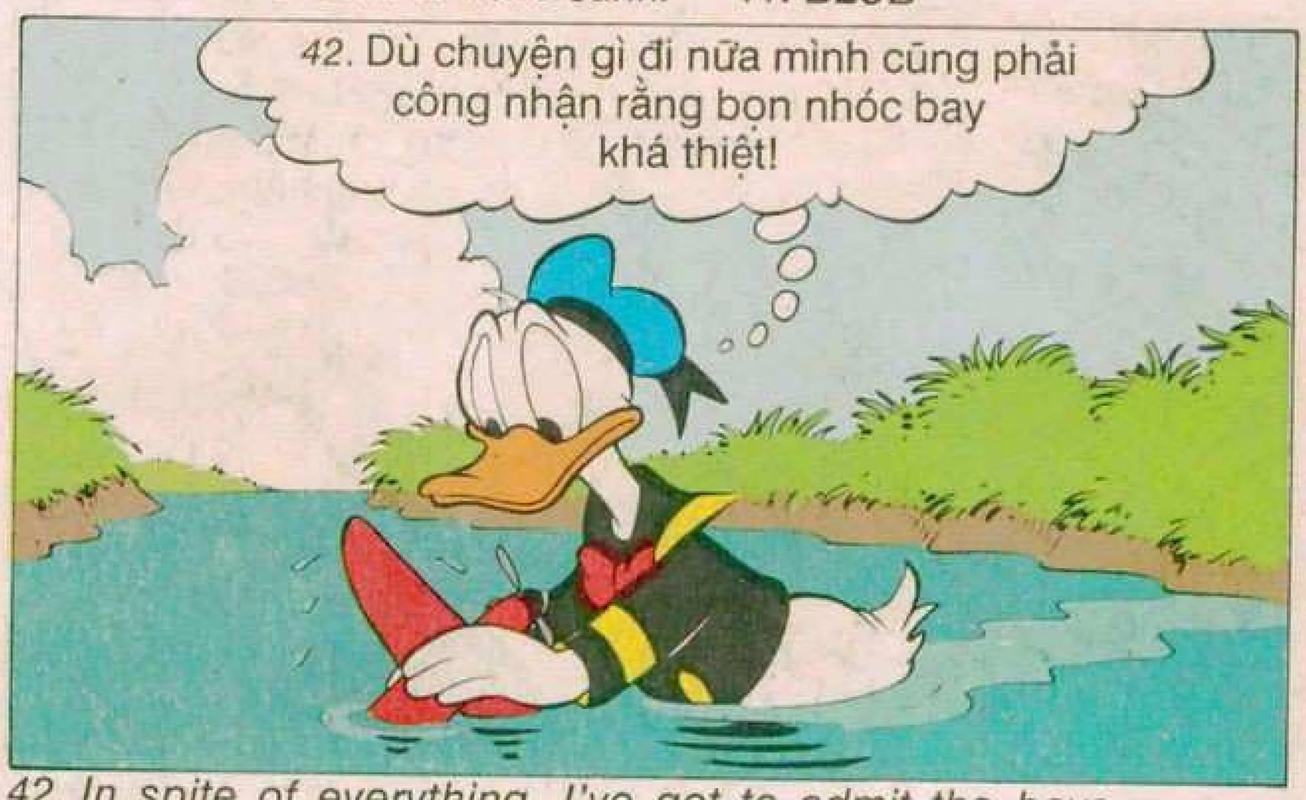


31. *What the ding-dong-doodle are those kids up to now?* 32. *Box formation, Unca Donald!* 33. *Very fancy!*
34. *You can't go left, right, or up!* 35. *ZAZZ*





36. *Only down!* 37. *SPLOOSH* 38. *Maybe you should get a float plane, Unca Donald!* 39. *Hee! Hee!*
40. *That one seems to have sunk!* 41. *BLUB*



42. *In spite of everything, I've got to admit the boys are good at flying!*



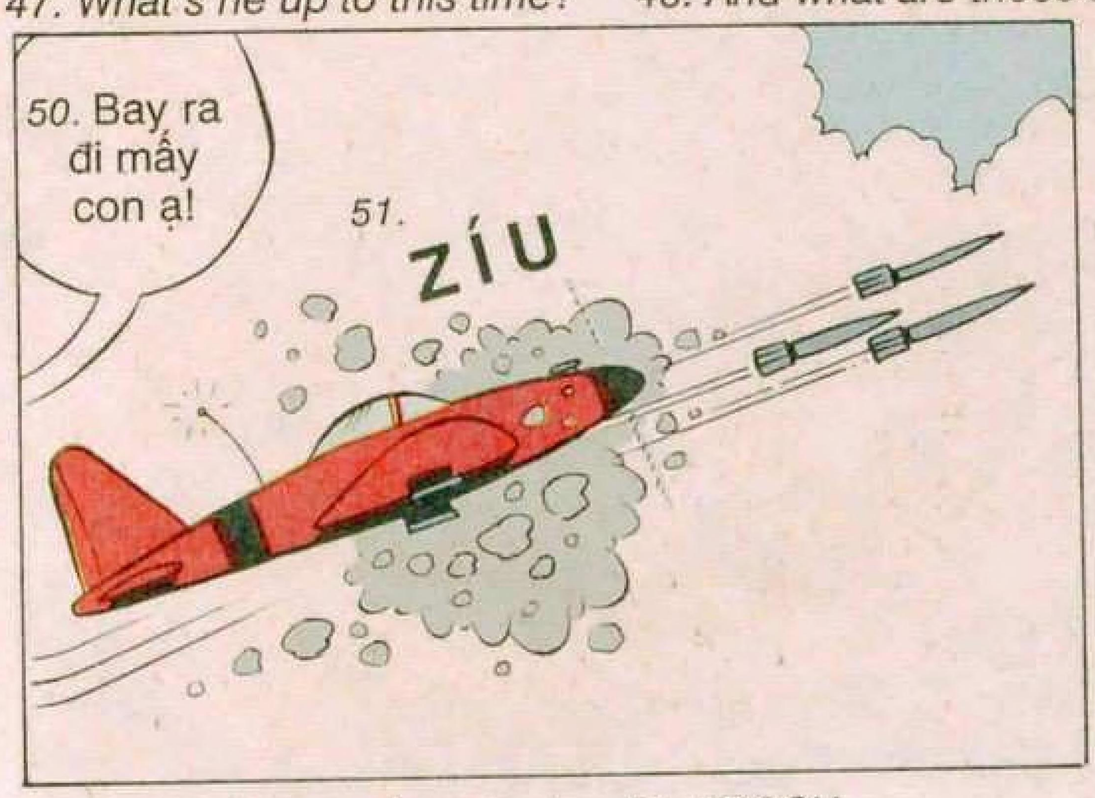
43. *But there's more than one way to skin three cocky little cats, and I know just the way!*

https://tieulun.hopto.org





44. Soon — 45. This rig cost a few bucks, but it's going to be worth it! 46. Here comes Unca Donald again!
47. What's he up to this time? 48. And what are those things under the wings and fuselage? 49. ZZZ

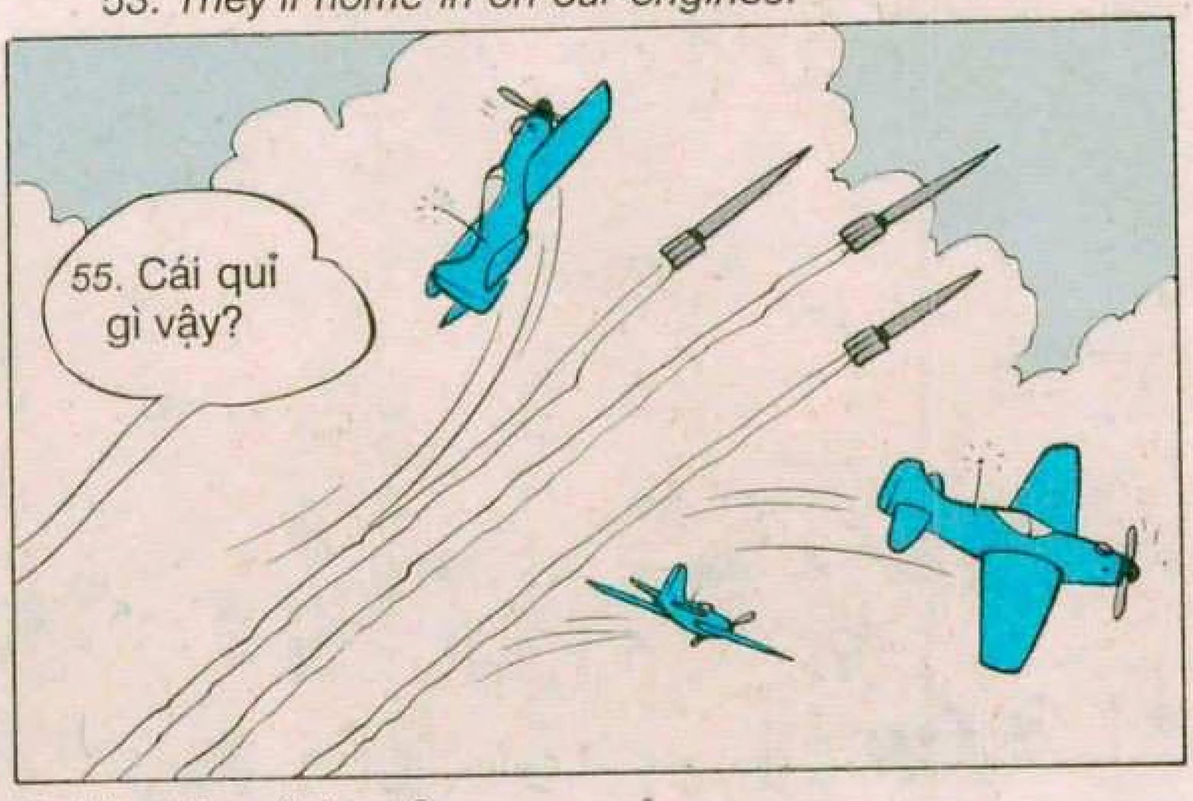


50. Out fly those, wise guys! 51. FOOSH

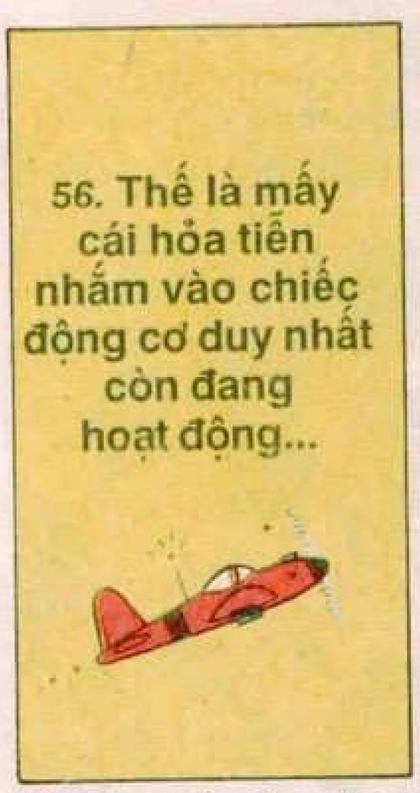


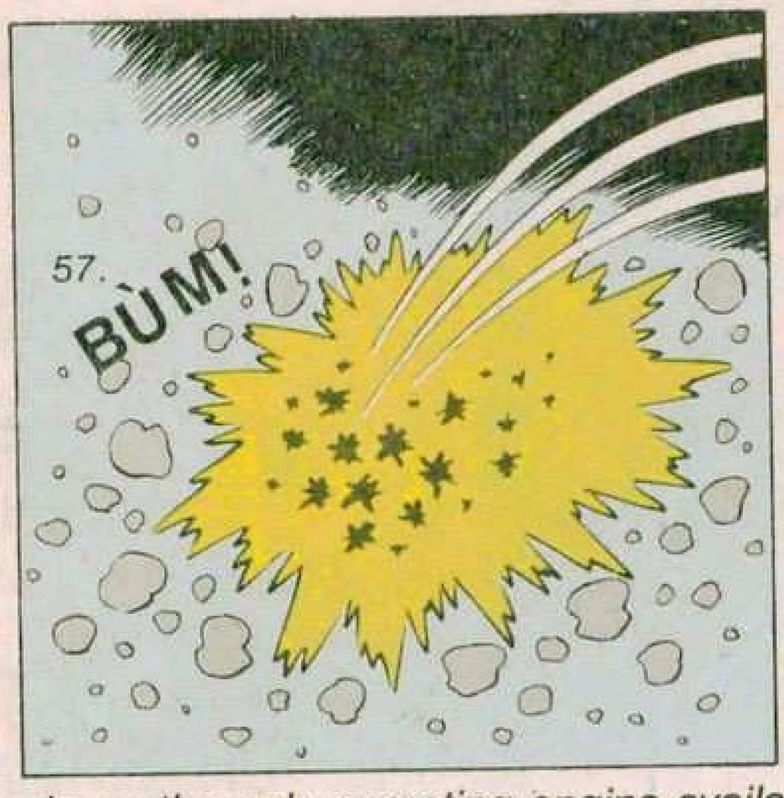
52. Yoicks! He's fired little air-to-air missiles at us!
53. They'll home in on our engines!





54. Shut'em off, go into glide, and skatter! Fast! *55. What the dickens?*







56. The missiles home in on the only operating engine available — 57. BOOM! 58. Splash one bandit!
59. Shoot yourself down four more times, Unca Donald, and you'll be an ace!

https://tieulun.hopto.org

60. Ái chà! Nếu mấy bồ hỏi tui thì lần này chú Donald bỏ đi với một quyết tâm ghê gớm lắm đó!

61. Ổng mất trí hơn gà mái ướt nữa!

62. Ổng bỏ quên lại hộp đồ nghề và bình nhiên liệu kìa!

63. Hà! Cái bình nhiên liệu này gợi cho tớ một ý còn nhộn hơn nữa!

64. Vậy hả? Nói toạc ra đi, bồ tèo!

60. Uh-oh! This time Unca Donald is leaving with a little too much purpose, if you ask me! 61. He's madder than a wet hen! 62. He even left his kit and fuel can behind! 63. Hmm! That fuel can gives me an idea how to have even more fun! 64. Yeah? Tell all, bro!

65. Sau đó...

66. Chắc chắn sẽ không một ai cản được cục cưng này!

67. Ta sẽ cho các cháu thấy loại máy bay Rickenbackers hai cần điều khiển mà khi bay thì ta và con đại bàng đây sẽ làm cho các cháu phải xanh mặt luôn!

68. Thiệt hông?

69. RỒ

65. Later — 66. Nobody but nobody is going to mess with this baby! 67. I'm going to show you two-bit Rickenbackers that when it comes to flying, me and the eagle here are going to clean your clocks! 68. Really? 69. VRUM

70. Cái gì vậy, chú Donald? **Bong bóng xà bông tắm hả?**

71. PHỤT

72. LỤP BỤP

73. Xăng có chút mùi xà bông thơm?

74. KHỊT

70. What with, Unca Donald? Bubble bath? 71. SPUT 72. BLURBLE

73. Gasoline with a hint of eau de lavender? 74. SNIFF

75. **Bọn phá hoại tụi bay đã pha cái gì vào xăng của tao! Tao sẽ cho tụi bay...**

76. RỒ Ồ Ồ!

75. You vandals spiked my gas! I'll have you —

76. ROAR!

https://tieulun.hopto.org





77. What was that? The spaceship that ate Cleveland? 78. No, look! It's a huge radio-controlled model plane! 79. A jet! 80. VOOM 81. Yep! An' it's all mine, ducky boys!



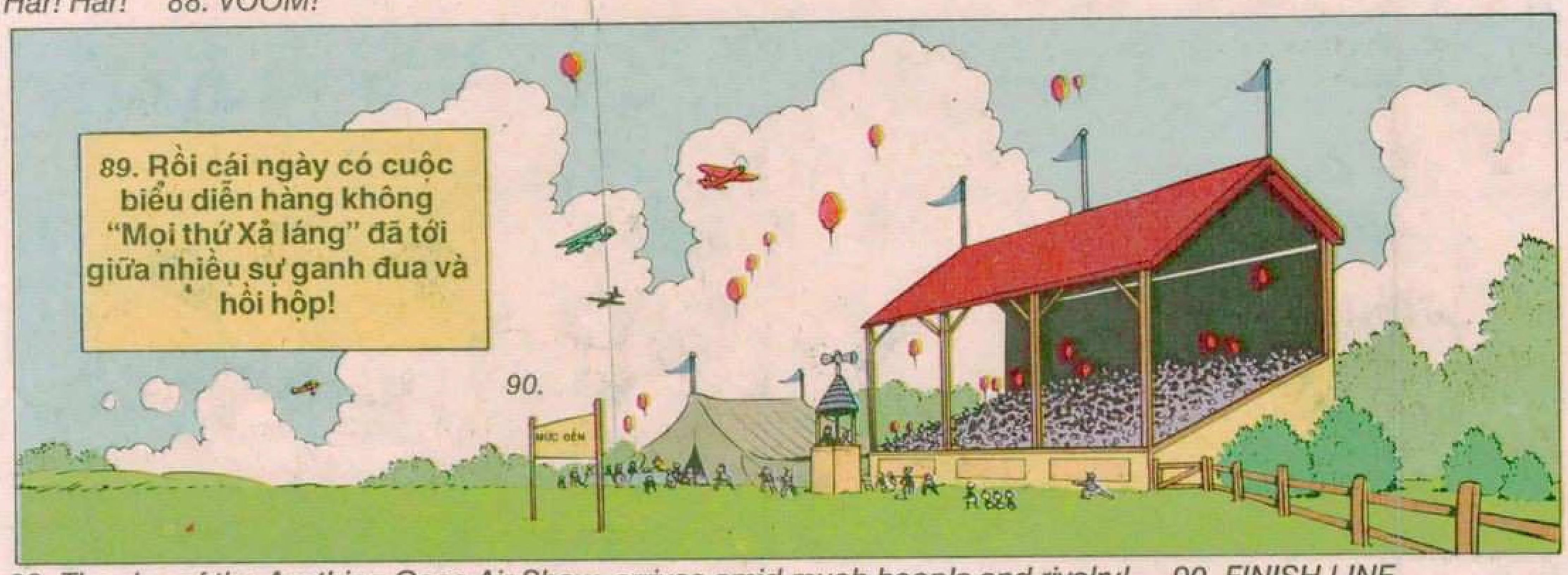


82. Woimly Filcher! 83. Oh, goodie! Just when things were only lousy, you have to show up! 84. I got dat air show trophy in me pocket, ducko, so you and the squirts might as well take up knittin'! 85. Yeah? And why is that?





86. 'Cause you an' your little kites ain't got a chance against me an' ol' Blast Britches, that's why! 87. Get me? Har! Har! 88. VOOM!



89. The day of the Anything Goes Air Show arrives amid much hoopla and rivalry! 90. FINISH LINE

https://tieulun.hopto.org

91. Chiếc cúp vô địch mà mọi người đều thèm thuông được trưng bày một cách lộng lẫy...

92. Và Donald cùng lũ nhóc phải đình chiến...

93. Woimly là người dự thi duy nhất với một chiếc phản lực! Làm sao mà hy vọng hạ nổi hắn?

94. Chú đâu có biết, lũ nhóc tì, tuy nhiên hãy nhớ rằng mọi thứ đều xả láng!

95.

91. The coveted trophy is prominently displayed — 92. And Donald and the boys have called a truce — 93. Woimly's the only entrant with a jet! How can we hope to beat him? 94. I don't know, boys, but remember, anything goes! 95. FINISH LINE

96. Và Woimly biết rõ điều đó!

97. Hà, ta yêu trò nhào lộn lắm vì ta có thể bay xung quanh bọn khờ này và làm chúng nổ tung ngay trên bầu trời!

98. ZÍU

99. Tránh xa hắn ra chú Donald! Hắn đã loại bỏ nhiều đối thủ lắm rồi!

100. Xem kìa! Hắn đang bắt đầu môn thi đâm nhào xuống đất!

96. And doesn't Woimly know it 97. Ha! I love aerobatics' cause I can buzz around these saps an' blow'em right outta the sky! 98. ZOW 99. Stay clear of him, Unca Donald! He's wiping out a lot of the competition! 100. Look! He's starting the power dive contest!

101. Ta cứ để bọn lơ tơ mơ này bay trước đi, rồi thì...

102. ...cho chúng ngửi khói của ta...

103. RỒỒỒ

101. I let the suckers get ahead of me, then... 102. ...I catch'em in my wake... 103. VROOM

104. ...và kéo hết bọn chúng xuống đất luôn! Hạ cánh an toàn nhé, các con!

105. BỘP

106. Đồ hèn!

107. Chỉ còn lại mấy máy bay của chúng mình thôi, chú Donald!

108. Không lâu đâu, nhóc ạ! Kế tiếp là tới cuộc tranh tài về độ cao rồi! Nhớ đó, mọi thứ xả láng! Hê hê!

104. ...and drag 'em all into the ground! Happy landings, boys! 105. CRUNCH 106. You rat! 107. We're the only ones left, Unca Donald! 108. Not for long, shrimpo! The altitude trial is next, and remember, anything goes! Heh! Heh!

https://tieulun.hopto.org

109. Khi cất cánh lên độ cao, máy bay của Donald và Woimly kè sát nhau! Nhưng máy bay của bọn nhóc thì tụt lại...

110. Giỡn bao nhiêu đó đủ rồi! Tới lúc nắm lấy thời cơ rồi! Chúc thượng lộ bình an nghe, bọn ngốc!

111. RỒỒỒ

109. Climbing for altitude, Donald's plane and Woimly's are neck and neck! Not so the boys' planes —
110. Enough o' this fiddlin' around! Time to grab for the stars! Bon voyage, twerps! 111. ROAR

112. Úi! Hắn dùng đến cả động cơ phụ!

113. Máy bay của tụi mình tiêu rồi!

114. Tớ nhất định phải tống vào mũi Woimly một cú!

115. Khoan, kiên nhẫn đã, bọn nhóc! Chú có cảm giác cách duy nhất có thể đánh bại tên quái gở này là lợi dụng điểm yếu của chiếc máy bay của hắn!

116. Điểm yếu nào?

112. >Ulp!< He went to afterburner! 113. Our planes are toast! 114. I'm going to punch Woimly in the nose! 115. No! Be patient, boys! I have a feeling that the only way to beat that creep is to somehow exploit his plane's weakness! 116. What weakness?

117. **Tốc độ!** Chiếc phản lực của Woimly quá nhanh so với bản thân nó!

118. Nhưng cuối cùng sẽ là cuộc đua tốc độ và chỉ còn lại hai chiếc máy bay của chú và của hắn!

119. Tốc độ là tất cả trong cuộc đua và máy bay của Woimly có được điều đó!

MỨC ĐẾN

120.

121. Đúng vậy! Nhưng đừng quên là mọi thứ đều xả láng!

122. Chúng ta đã nghe câu này ở đâu rồi?

117. Speed! Woimly's jet just mighty be too fast for its own good! 118. But the final event is the air race, and there's just the two of you left! 119. Speed is everything in that race, and Woimly's plane has it! 120. FINISH LINE 121. True! But don't forget, anything goes! 122. Where have we hear that before?

123. Cuộc đua bắt đầu dưới bầu trời tối sầm đầy vẻ đe dọa...

124. Tao gần như đã ngửi thấy mùi chiếc cúp đó rồi, thằng mặt mẹt!

125. Tao rành mày quá mà, Filcher, tao cũng không lạ gì nếu mày cố nuốt luôn chiếc cúp!

126. VÙ

127. VÈO

123. The race begins under a darkening and ominous sky — 124. I can almost taste dat trophy, shovelface!
125. Knowing you, Filcher, it wouldn't surprise me if you did try to eat it! 126. ZIP 127. ZOOP

https://tieulun.hopto.org



128. Never mind Woimly, Unca Donald! Concentrate! It looks like a storm is coming! 129. It's getting awfully windy! 130. And how! Donald's plane is whipped about crazily, while Woimly's jet shoots forward like a bullet!



131. Then rain! Lots of it! 132. Keep 'er up, Unca Donald! You're being swamped! 133. Maybe I oughta swing back an' give ya a push, ducko! Make it look like yer in the race! Haw! Haw! 134. Laugh, lumpjaw, but the race isn't over until it's over!



135. Afterburner time, quackbreath! And believe me, for you its over! 136. ROAR! 137. As Woimly's jet accelerates, a third player muscles onto the scene — 138. Uh-oh! A whirlwind! 139. A big one!



140. It looks like they're both goners! 141. WHOOM

https://tieulun.hopto.org

142. Không hẳn vậy! Chiếc phản lực của Woimly phóng ra khỏi vùng gió xoáy với tốc độ gấp đôi lúc nó bay vào...

143. VÙ

144. Nhưng đáng thương cho Woimly...

145. Hà! Nó bay trật đường rồi!

146. Ông sẽ không bao giờ có thể bắt nó quay lại kịp được, ông mãnh ạ!

142. Not quite! Woimly's jet whips out of the spinning wind at twice the speed it went in — 143. VIZZ 144. But alas for Woimly — 145. Ha! It's going the wrong way! 146. You'll never be about to turn it around in time, smart guy!

147. Máy bay của chú Donald trông như sắp vỡ ra từng mảnh!

148. Vậy thì sao? Cơn gió đã thổi nó qua khỏi mức đến!

150. PHỤT PHỤT

151. PHỤT PHỤT

149. MỨC ĐẾN

152. Chú Donald thắng rồi!

147. Unca Donald's plane looks like it's falling apart! 148. So what? The wind has thrown it across the finish line! 149. FINISH LINE 150. SPUT 151. SPUT 152. Unca Donald wins!

153. Woimly già dở quá! Ta cho rằng hiện cái máy bay khoác lác của mi đã bay được nửa đường tới Kansas! Ha ha!

154. Rồi sao? Đúng, ít nhất là nó vẫn còn đang bay, đồ bịp bợm!

155. Và đúng như vậy...

156. BỐP!

157. RỒỒỒ

153. Too bad, Woimly old sock! I suppose that ostentatious crate of yours is half way to Kansas by now! Haw! Haw! 154. Yeah? Well at least it's still flying, thimbleknob! 155. And so it is — 156. CLONK! 157. ZOOM

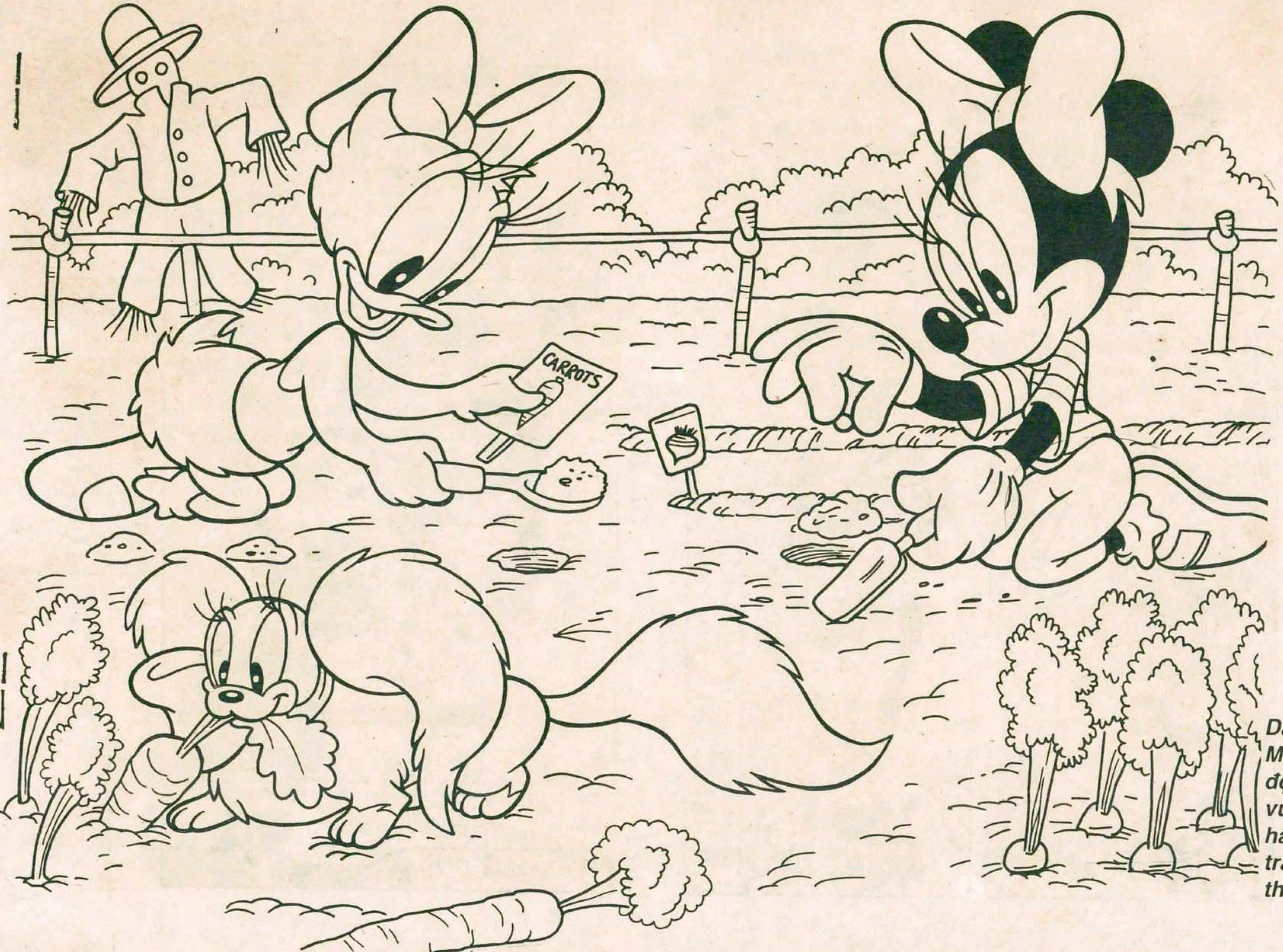
158. Và rồi, nhiều ngày sau đó...

159. Nếu mà tao đoạt được cúp, vịt ạ, và nếu tao có thể thấy được mày, tao khắc đập nó lên đầu mày đấy!

160. Phải! Phải! Phải!

158. And so, for many days thereafter — with it! 159. If I had won dat trophy, ducko, an' I could see ya, I'd crown ya 160. Yadda! Yadda! Yadda!

https://tieulun.hopto.org



Daisy và Minnie lao động thật là vui. Các em hãy tô màu tranh theo ý thích.

https://tieulun.hopto.org



CHUỘT MICKEY

Bùa may mắn

Người dịch: TRẦN TÂN MỸ

1. Ngon tuyệt!
2. Bắt đầu một ngày Chủ nhật **yên tĩnh** như vầy quả là tuyệt thật!
3. Ê! Cái gì đây?!
4. KEM NÓN

D96022

1. Delicious! 2. What a great way to start a quiet Sunday! 3. Hey! What's this! 4. COOL'S CONES

5. Tìm cách lừa bịp một người bán hàng lương thiện như vầy sao?!
6. Ối!
7. COONG!

8. Hay thật — dám ném đồng tiền vào đầu anh bạn của tôi!
9. Đồng tiền hắn đưa cho tôi không xài được! Nó là tiền nước ngoài hay cái gì đó!

10. Trời, Mickey — Em chưa từng thấy cái gì như thế này! Anh lấy đâu ra vậy?
11. Anh không biết! Nhưng nếu nó kỳ dị như thế, có lẽ ta nên xem nó có giá trị gì không!

12. Tại một cửa hiệu tiền cổ ở góc phố...
13. Hừ... nó là một đồng tiền Miến Điện rất cổ! Ngày nay không có giá trị gì đặc biệt, nhưng ở Myanmar người ta hãy còn đeo nó lấy hên!
14. Chà! Một cái bùa may mắn!

5. Try to cheat an honest merchant, will ya?! 6. Ow! 7. THOINK! 8. The very idea — throwing money at my boyfriend's head! 9. That coin he gave me is no good! It's foreign or something! 10. Gosh, Mickey — I've never seen anything like it! Where'd you get it? 11. I don't know! But if it's so odd, maybe we should see if it's worth something! 12. At a coin shop around the corner — 13. Hm... it's a very old Burmese coin! Not worth anything these days, but in Burma people still carry them for luck! 14. Wow! A good luck charm!

https://tieulun.hopto.org

15. Anh nên giữ kỹ nó! Nó sẽ mang lại may mắn cho anh!
17. OLDE MOLDY'S – TIỀN CỔ
16. Rõ ngớ ngẩn! Cái điều duy nhất mà nó mang lại cho anh là một cục u trên đầu!
18. Nào, dù sao cứ giữ lấy nó! Có hại gì đâu!
19. Khốn thật! Mưa bắt đầu rơi mà anh lại quên mang dù theo!

15. You'd better hang onto it. It'll bring you luck! 16. That's just silly! The only thing that coin has brought is a lump on my head! 17. OLDE MOLDY'S COINS 18. Well, hang onto it anyway! It can't hurt! 19. Darn! It's starting to rain and I forgot my umbrella!

20. Mickey, nhìn kìa!
21. Hay quá! Ai đó đã vứt đi một cây dù hãy còn tốt chán!
22. Thấy không? Đồng tiền đã mang lại may mắn cho anh!

20. Mickey, look at that! 21. Hot dog! Somebody tossed away a perfectly good umbrella! 22. See? The coin brought you luck!

23. Em không thực sự tin điều ấy, phải không Min? Đó chỉ là một sự ngẫu nhiên!
24. Được rồi, có lẽ anh đúng...
25. >Hự!<
26. Trời, nhắc tới may mắn! Một tờ giấy bạc 100 đô!
27. BỘP!

23. You don't really believe that, do you, Min? It's just a coincidence! 24. Well, maybe you're right... 25. >Mmph!< 26. Gosh, talk about luck! A $100 bill! 27. SWAP!

28. Anh nên mua một tờ vé số! Với vận may của mình, anh có đường trúng cái đồng hồ đeo tay!
29. Anh sẽ mua, nhưng chỉ để chứng minh cho em thấy là không có gì hết đối với chuyện cái bùa may mắn đó!
30. CỬA HÀNG KIM HOÀN CAO CẤP
31. Vé số – 1 đô-la Trúng một đồng hồ vàng!
32. Nhưng...
33. Em đã bảo mà, anh chàng tự phụ! Anh nhất định trúng thôi!

28. You should buy a raffle ticket! With your luck, you're bound to win the watch! 29. I'll do it, but just to prove to you there's nothing to this good luck charm business! 30. HIGH-PRICED JEWELERS, INC. 31. Raffle— $1.00! WIN A GOLD WATCH! 32. But — 33. I told you, smarty pants! You just can't lose!

https://tieulun.hopto.org

34. Ê, xem kìa, Mickey! Cái đầu máng xối đó đang long ra!
35. Ồ, không! Nó sẽ rơi trúng anh chàng kia mất!
36. RẮC!
37. Coi chừng!
38. Ự!
39. RẦM!
40. Này anh bạn, anh đã cứu mạng tôi! Tôi biết đền đáp bằng cách nào đây?
41. Ồ, có gì đâu, ông không cần phải...

34. Hey, look, Mickey! That gargoyle is breaking loose! 35. Oh, no! It's gonna hit that guy! 36. CRACK! 37. Lookout! 38. >Unngh!< 39. CRASH! 40. Young man, you saved my life! How can I ever repay you? 41. Aw, shucks, you don't have to—

42. Đây! Tôi có cả một đội xe như thế này! Anh nhận lấy một chiếc vậy!
43. Ô! Cảm ơn ông!
44.
45. Bây giờ anh có chịu nhìn nhận là đồng tiền ấy hên không?! Anh phải nói là tất cả mọi việc khá lạ thường...

42. Here! I have a fleet of these cars! You take this one! 43. Wow! Thanks! 44. Now will you admit that coin is lucky?! 45. I must say it's all been pretty unusual...

46. ...nhưng những sự việc đó cũng có thể xảy ra khi không có đồng tiền ấy! Và anh sẽ chứng minh điều này!
47. Đó! Bây giờ em sẽ thấy rằng anh không cần có bùa may mắn gì cả mà vẫn có một ngày huy hoàng!

46. ...but all those things could have happened without the coin! And I'll prove it!

47. There! Now you'll see that I don't need some charm to have a great day!

https://tieulun.hopto.org



48. Uh-oh! More rain! Better put the top up on the car!



49. Will do! But for now, get under the umbrella!

50. Whoaaa! 51. WHOOSH!



52. Mickey, come down here right now!



53. I would if I could, Min!

54. FWAAP!



55. Look out below, Min! It just shifted into reverse!



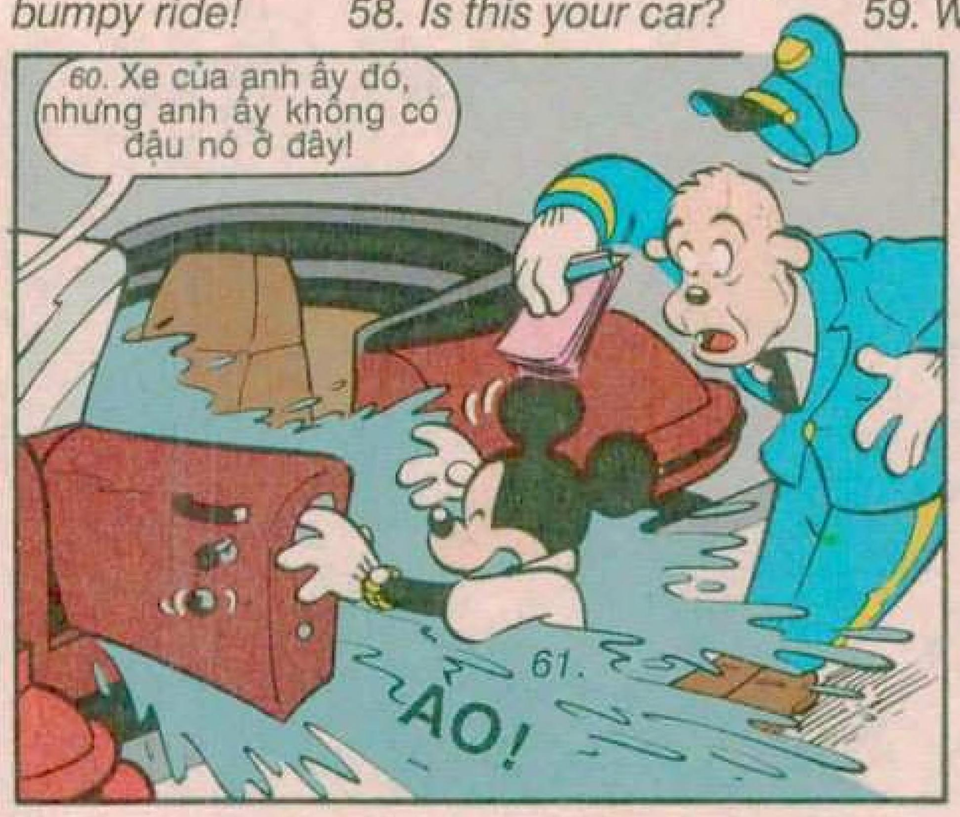
56. If you're done fooling around, let's go for a ride!

57. Sure, but let's take the car! The umbrella is kind of a bumpy ride!



58. Is this your car?

59. Well, yes, but —



60. It's his, but he didn't park it!

61. GUSH!



62. I don't care who parked it! It'll still cost you $100! And be glad I don't arrest you for splashing an officer!

63. >Ulp!< Yes, sir! Easy come, easy go!

https://tieulun.hopto.org

64. Thời vận của Mickey càng lúc càng đen đủi...
68. TIN!
69. TIN!
70. TIN!
67. MUSCLE MOVERS
71.
65. Lẽ ra anh không nên vứt đồng tiền ấy đi, Mickey! Bây giờ nhìn xem!
TIN!
TIN!
72.
66. Chỉ là một sự ngẫu nhiên thôi! Mấy chiếc xe thể thao hào nhoáng này thường hay nằm đường!

64. Mickey's luck goes from bad to worse — just a coincidence! These fancy sportscars are always breaking down! 65. You should never have thrown that coin away, Mickey! Now look! 66. It 67. MUSCLE MOVERS 68. HONK! 69. HONK! 70. HONK! 71. HONK! 72. HONK!

73. Nào... nào... chạy nào!
74. Hãy cho chiếc xe cà tàng ấy chạy đi, chàng trai! Ta phải giữ đúng lịch thi đấu!
TIN!
RÈ RÈ
RÈ RÈ RÈ
75.
76.

78. MUS MOV
79.
BUM!
77. Được rồi... chú mày muốn chuốc lấy rắc rối đấy nhé! Nếu chú mày không làm cho nó chạy được, ta sẽ làm cho! **Miễn phí!**

73. C'mon... c'mon... turn over! 74. Get that wreck movin', bud! I got a schedule to keep! 75. RRR... RRR... RRR 76. HONK! 77. All right... you asked for it! If you won't move your car, I will! Free of charge! 78. MUSCLE MOVERS 79. CRUNCH!

80.
RẦM!

80. CRASH!

81.
Nhảy đi, Min!

81. Jump, Min!

82. Ốiiii!!!
83. ÙM

82. Yiiiiihhh!!! 83. SPLASH!

84. >Thở dài!< Dễ đến, dễ đi, thế đấy!
85. **Cái gì?!** Chuột Mickey, anh làm tôi nổi sùng!
86.
LỤP BỤP
LỤP BỤP

84. >Sigh!< Easy come, easy go, I guess! 85. What?! Mickey Mouse, you infuriate me! 86. BLUB BLUB BLUB

https://tieulun.hopto.org





87. We've got to back and find that coin before something else happens! 88. I guess it wouldn't hurt to look — at least no more than it already does! 89. Back in town — 90. Look, what's that?



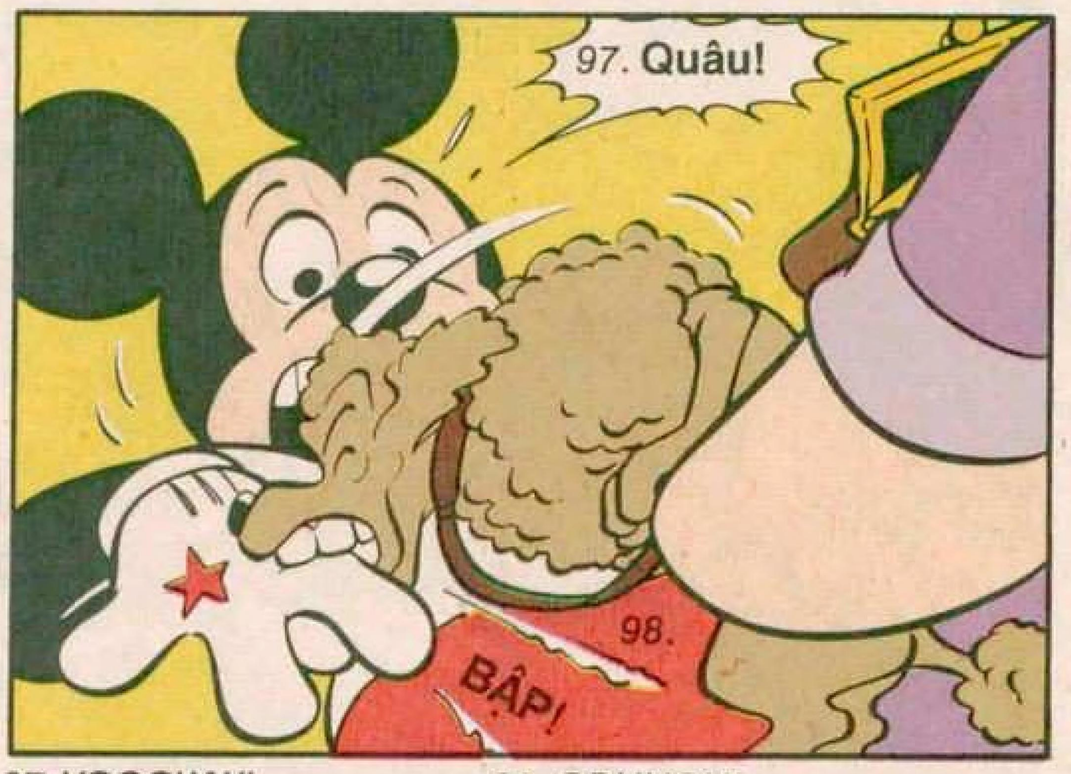
91. Well, It's a nickel anyway!



92. And here's a quarter! Gosh, my luck's getting better already! 93. >Ahem!<



94. That's my change, young man!
95. Sorry, lady... I didn't know!
96. GRRRR!



97. YOOOWW!
98. CRUNCH!



99. >Ouch!< What else can possibly go wrong?
100. Mickey! Look out!
101. Get outa the street you dope!
102. VROOM!

https://tieulun.hopto.org



103. ZOOM! *104. >Gasp!< Thanks, Min! You saved me from being roadkill!* *105. Forget that, Mickey! Look!*



106. That shiny thing on the ledge could be the coin! Think you can reach it? *107. Wow! It's worth a try!* *108. Darn! I just knocked it off the ledge!*

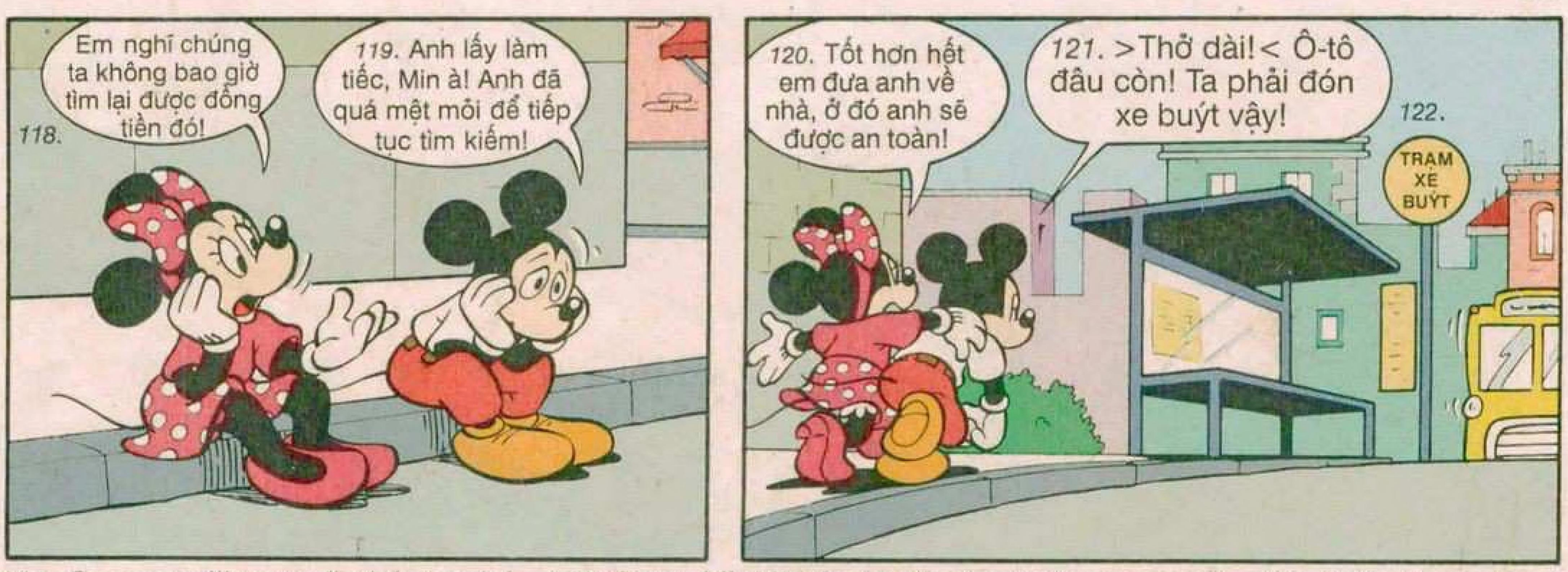


109. >Groan!< And that's not all! My new gold watch slipped off while I was at it! *110. You're really jinxed, Mickey! You've got to get that coin back!* *111. Or at least get my watch back! I refuse to lose again today!* *112. Be careful!*



113. >Ulp< On second thought... *114. SLURP!* *115. !!* *116. ...that watch really only cost me a dollar!* *117. SNAP!*

https://tieulun.hopto.org



118. Guess we'll never find that coin! 119. Sorry, Min! I'm just to tired to look any more! 120. I'd better get you home where you'll be safe! 121. >Sigh!< The car is gone! We'll have to catch a bus! 122. BUS STOP



123. At least I still have a couple of coins! Here you go, pal! 124. Hey, I can't take this! 125. Oh, no! Now what? 126. Not more bad luck?!



127. Mickey, look! It's the charm! 128. You must've thrown away a real coin! You've had the charm in your pocket all along! 129. Yippee! That's the best news I've heard all day!



130. Huh? Why are you so happy? This means your bad luck wasn't caused by losing the charm! 131. Exactly! What a relief to know that whatever luck I've had today, it's been all mine!

https://tieulun.hopto.org



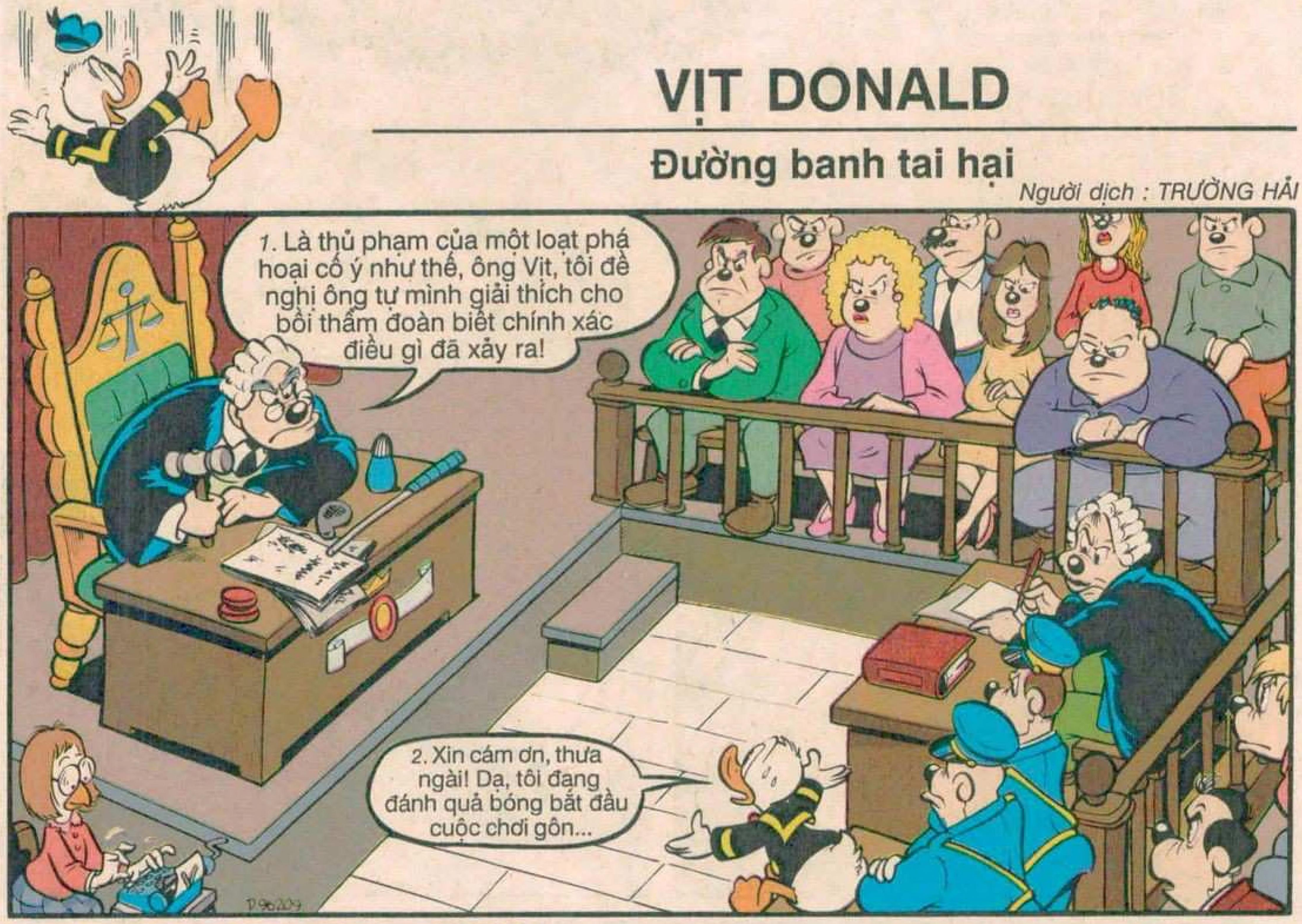
- Ấy! Đừng cười Pluto nha. Sinh nhật của Pluto mà! Các em hãy tô màu theo ý thích.

https://tieulun.hopto.org

VỊT DONALD

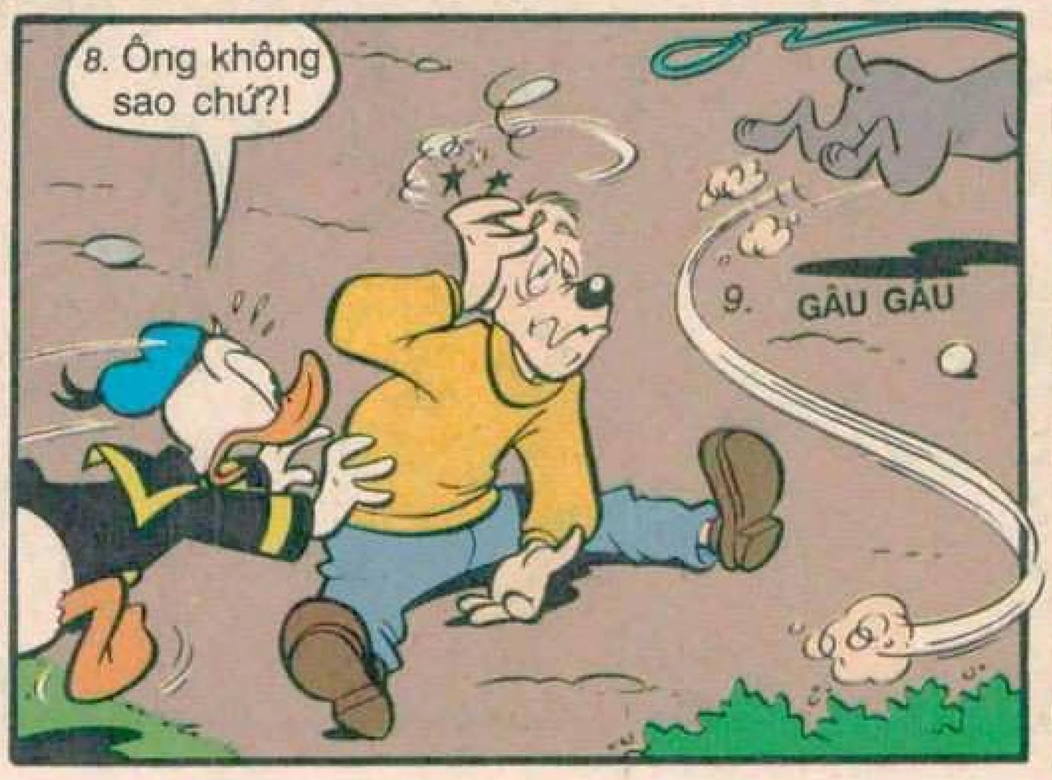
Đường banh tai hại

Người dịch : TRƯỜNG HẢI











1. ...Being the perpetrator of such a wanton trail of destruction, Mr Duck, I suggest you explain to the jury in your own words exactly what happened!
2. Thank you, your honour! Well, I was driving off...
3. "...from the first tee but I don't think I can have got my follow through quite right!"
4. Whoops!
5. THWACK
6. Heads!... I mean fore!
7. CLUNK
8. Are you all right?!
9. YAP YAP
10. Who's responsible for that dog being off its leash?!
11. Well I suppose I am... in a way! You see my follow through...

https://tieulun.hopto.org

12. Trong trường hợp đó thì ông có trách nhiệm phải đem con mèo của tôi từ trên kia xuống!
13. Tôi không nghĩ là bà có thể thực sự đổ lỗi cho tôi về...
14. GÂU GÂU GÂU
15. Làm đi nào! Con mèo nhỏ tội nghiệp của tôi rất dễ bị chấn thương!
16. Sao cũng được để có một chút thanh bình và yên tĩnh! Tôi đã tưởng rằng gôn được coi là một môn chơi thư giãn!
17. Nào! Hãy xuống với chú Donald nào! Chẳng có gì phải sợ hãi cả!
18. Ồ!
19. GRỪ!
20. RỘT!
21. Tao rút lại câu đó! Quả có điều đáng sợ! Là tao!
22. A! Cứu tôi! Tôi đui mất rồi!
23. Trời!
24. Ồ không! Cái máy cày chạy bậy rồi!
25. A! Mặt tôi cũng mọc đầy lông rồi!
26. Hãy chọn một kẻ nào đó cùng cỡ với mi, đồ ác ôn!
27. ĐÙNG
28. RẦM
29. RÁC RÁC

12. In that case it's your responsibility to get my cat down from up there!
13. I don't think you can really blame me for...
14. YAP YAP YAP
15. And get a move on! My poor pussy's easily traumatised!
16. Anything for a bit of peace and quiet! I thought golf was supposed to be a relaxing game!
17. Come on! Come on down with Unca Donald! There's nothing to be frightened of!
18. Ow!
19. HISS
20. SCRATCH
21. I take that back! There is something to be frightened of! Me!
22. Ah! Help! I've gone blind!
23. Oh dear!
24. Oh no! Runaway tractor!
25. Ah! My face has grown all hairy too!
26. Pick on someone your own size you big bully!
27. BANG
28. CRASH
29. SPLINTER

https://tieulun.hopto.org

30. Mình phải cố ngăn nó lại trước khi có người bị thương! Mình không hiểu cái nào là cái phanh đây!

31. BỊCH

32. Ồ, không! Chắc phải là cái này!

33. TIN

34. Không! Chắc là một cái khác!

35. RẦM

BỐM

36. Thử cái này xem!

37. Quá trễ rồi!

38. Hừ, mình cho đây là cách để ngừng cái máy cày lại!

39. RẦM

40. Ồ... ồ! Chúng ta chưa ngừng! Chúng ta đang lao xuống đồi!

30. *I better try and stop this thing, before someone gets hurt! I wonder which one's the brake!*
31. *SMASH*
32. *Oh, no! It must be this one!*
33. *TOOOOT*
34. *No! It must be another one!*
35. *SPLASH CRASH*
36. *Let's try this one!*
37. *Too late!*
38. *Well, I suppose that's one way to stop a tractor!*
39. *CRASH*
40. *Uh-oh! We haven't stopped! We're going down hill!*

https://tieulun.hopto.org

41. Thưa quí ông quí bà! Tôi đã mất mười năm chuẩn bị cho chuyến đi vòng quanh thế giới bằng khinh khí cầu này và cuối cùng giờ đây thời điểm khởi hành đã đến!

42. NƯỚC CHANH

43. NƯỚC QUẢ ANH ĐÀO

44. "NƯỚC NGỌT CÓ GA NHẸ"

45. Thằng ngốc nào đậu những toa thùng ở đó vậy?!

46. Mình sẽ chẳng còn phải lo tìm kiếm cái phanh của nó nữa!

47. RẦM

48. "NƯỚC NGỌT CÓ GA NHẸ"

49. Chà! Hương vị cơn mưa nước ngọt có ga nhẹ! Thứ mình ưa nhất!

50. BỐP

51. BỐP

52. BỐP

53. XỊT

54. NƯỚC CHANH

55. NƯỚC QUẢ ANH ĐÀO

56. "NƯỚC NGỌT CÓ GA NHẸ"

41. Ladies and gentlemen! It's taken me ten years to prepare for this round the world ballooning attempt and now at last the time for departure has arrived!
42. LEMONADE
43. CHERRYADE
44. "SWEET AND SICKLY FIZZ"
45. What idiot parked those tankers there?!
46. I'm not even going to bother to look for the brakes on this thing!
47. CRASH
48. "SWEET AND SICKLY FIZZ"
49. Mmmm! Sweet and sickly fizz flavour rain! My favourite!
50. POP
51. POP
52. POP
53. WHOOOOSH
54. LEMONADE
55. CHERRYADE
56. "SWEET AND SICKLY FIZZ"

https://tieulun.hopto.org

57. Phì! Ôi, dù sao thì cũng không có ai bị thương cả!

58. BỘP

59. Giữ nó lại!

60. Tôi không thể! Tại những con ong chết tiệt này! Chúng từ đâu tới vậy?!

61. VO VO

62. Ông này làm cái tổ của chúng rớt xuống đó!

63. Ồ, không! Nó đang trôi đi kìa!

64. Tóm lấy nó!

65. Chà! Cảnh tượng cầu sông Duckburg mới tuyệt vời làm sao! Cái thứ này đúng là chuyển động nhanh quá!

66. Có lẽ là hơi quá nhanh! Và nó cũng lại chẳng có phanh gì ráo!

67. ?

68. Chí ít lần này mình sẽ được đáp xuống nước!

57. Phew! Well, at least no one got hurt!
58. BUZZ PLOP
59. Keep hold of it!
60. I can't! It's these wretched wasps! Where did they come from?!
61. BUZZZZ
62. He knocked down their nest!
63. Oh, no! It's floating away!
64. Get him!
65. Wow! What a wonderful view of the Duckburg River Bridge! This thing sure moves quickly!
66. Perhaps a little too quickly! And there are no brakes on this thing either!
67. ?
68. Well at least this time I'll be landing in water!

https://tieulun.hopto.org

71. RẦM
69. Áááá!
70. Áááá!
72. CẢNH SÁT
73. ÙM
74. "Và rồi cảnh sát bắt tôi..."
75. ...và thế là cuối cùng tôi có mặt ở đây!
76. À, đối với tôi câu chuyện có vẻ như chỉ là một chuỗi các tai nạn không may! Nó có thể xảy đến với bất kỳ ai!
77. GOLFER'S MONTHLY
78. GOLFER'S WEEKLY
79. GOLFER'S DAILY
80. Bãi xử!
81. Nhưng, còn việc tổn thất của mọi sự đổ vỡ kia thì sao?! Thưa ngài, gã vịt này cần được dạy cho một bài học!
82. BENG!
83. Tôi chắc là các hãng bảo hiểm sẽ chi trả cho các khoản đổ vỡ! Còn về chuyện bài học ư, chính tôi sẽ dạy cho hắn!

69. Aaaaah!
70. Aaaaah!
71. CRASH
72. POLICE
73. SPLASH
74. "And then the police arrested me..."
75. ...and that's how I ended up here!
76. Well, it just sounds like a series of unfortunate accidents to me! Could have happened to anyone!
77. GOLFER'S MONTHLY
78. GOLFER'S WEEKLY
79. GOLFER'S DAILY
80. Case dismissed!
81. But, what about the cost of all the breakage's?! Your honour, this duck needs to be taught a lesson!
82. BANG
83. I'm sure the insurance companies will pay for the breakage's! And as for a lesson, I'll teach him one myself!

https://tieulun.hopto.org

84. Một bài học chơi gôn! Có vẻ như mọi chuyện đều bắt đầu từ một đường bóng tồi! Tôi sẽ gặp ông trên sân gôn trong nửa tiếng nữa, ông Vịt!

85. Nửa giờ sau...

86. Bây giờ, tôi muốn ông coi tôi và bắt chước y hệt đường bóng của tôi nhé!

87. A! Tôi nghĩ là tôi đã không cho chất keo đó đủ thời gian kết dính!

88. PẶC

89. Trời ơi! Nghe như thể đó là một cái cửa sổ!

90. Tôi chẳng bận tâm gì! Tôi đã từng làm vỡ một cái máy cày, một xe lửa và một khinh khí cầu!

91. CHOANG!

93. RẦM ẦM

92. Ờ đúng rồi, điều đó nhắc tôi nhớ ra! Và một ô-tô nữa!

94. Cái này là của ai?!

95. Của ông!!

96. Được rồi! Ta sẽ dần nhừ xương cả hai!

97. Lẹ! Tới câu lạc bộ ngay!

84. A golf lesson! It seems like all this began with a poor follow through! I'll meet you on the golf course in half an hour, Mr Duck!
85. Half an hour later —
86. Now, I want you to watch me and copy my follow through exactly!
87. Ah! I don't think I can have given that glue quite enough time to set!
88. THWACK
89. Oh dear! That sounds like a window!
90. I wouldn't worry! I broke a tractor, a train and a hot air balloon!
91. TINKLE
92. Ah yes, that reminds me! And a bus!
93. CRASH SMASH
94. Who's is this?!
95. His!!
96. All right! I'll pummel both of you to a pulp then!
97. Quick! To the clubhouse!

https://tieulun.hopto.org

98. Hắn đến sát mình rồi! Chúng ta sẽ không bao giờ tới được câu lạc bộ!
99. Phì! Chúng ta nên dùng xe vậy! Phò!
100. ĐẾN CHỖ ĐẬU XE
101. Phì! Ông lái xe thì hơn! Phò! Tôi đuối quá rồi!
102. OK!
103. Tôi nghĩ là mình đã thoát khỏi hắn rồi!
104. Tôi sẽ gọi điện cho cảnh sát! Loại người như hắn không được phép đến sân gôn!
105. RÉÉET
106. Lạ thật! Máy hình như không làm việc! Chẳng hiểu tại sao!
107. Có lẽ kia là lý do!
108. Hắn đã bẻ đứt cần ăng-ten!
109. Aaaa!
110. ẦM
111. RẮC RẮC RẮC
112. Tôi không thấy gì cả!
113. Ông không được dừng lại! Hắn đã bẻ đứt cần ăng-ten! Hắn cũng sẽ bẻ đứt luôn đầu chúng ta!
114. Lên đường may mắn!
115. RẦM
116. ĐÙNG
117. ẦM
118. CẦU ĐANG SỬA CHỮA DO TAI NẠN KHINH KHÍ CẦU

98. He's gaining on us! We'll never make it to the club house!
99. >Puff!< We better take my car then! >Pant!<
100. TO CAR PARK
101. >Pant!< You better drive! >Puff!< I'm too exhausted!
102. OK!
103. I think we've lost him!
104. I'm going to phone the police! People like that shouldn't be allowed on a golf course!
105. SQUEAL
106. Strange! It doesn't seem to be working! I wonder why!
107. Maybe that's why!
108. He's ripped off the aerial!
109. Ahh!
110. SMASH
111. CRACK CRACK CRACK
112. I can't see a thing!
113. You can't stop! He ripped off the aerial! He'll rip off our heads too!
114. Bon voyage!
115. CRASH
116. BANG
117. SMASH
118. BRIDGE UNDER REPAIR DUE TO BALLOON DAMAGE

https://tieulun.hopto.org

119. Tôi phải dừng lại thôi! Quá nguy hiểm!

120. Không! Ông không thể dừng lại! Điều đó còn nguy hiểm hơn! Tôi sẽ đập vỡ kính chắn gió để ông có thể nhìn!

121. Dừng lại!!!

122. RẦM

123. ÂM ÂM

124. Hy vọng là ông biết bơi!

125. KÉÉÉT

126. ẦM ẦM

127. Tôi biết bơi! Nhưng tôi không biết bay!

128. RỐP

129. Lại là ông!

130. Chà! Hên thiệt!

131. BỊCH

132. BỊCH

133. Chẳng phải là hên đâu! Mà là nhờ thiết kế khéo léo! Nay tôi đã đổi hệ thống dây kéo thay vì khóa ngàm, khi bị một lực kéo xuống đột ngột, nó sẽ nhả thêm dây!

134. Thấy chưa?! Tôi đã dự kiến cho tất cả mọi chuyện rắc rối có thể xảy đến!

135. Tôi hy vọng điều đó đúng!

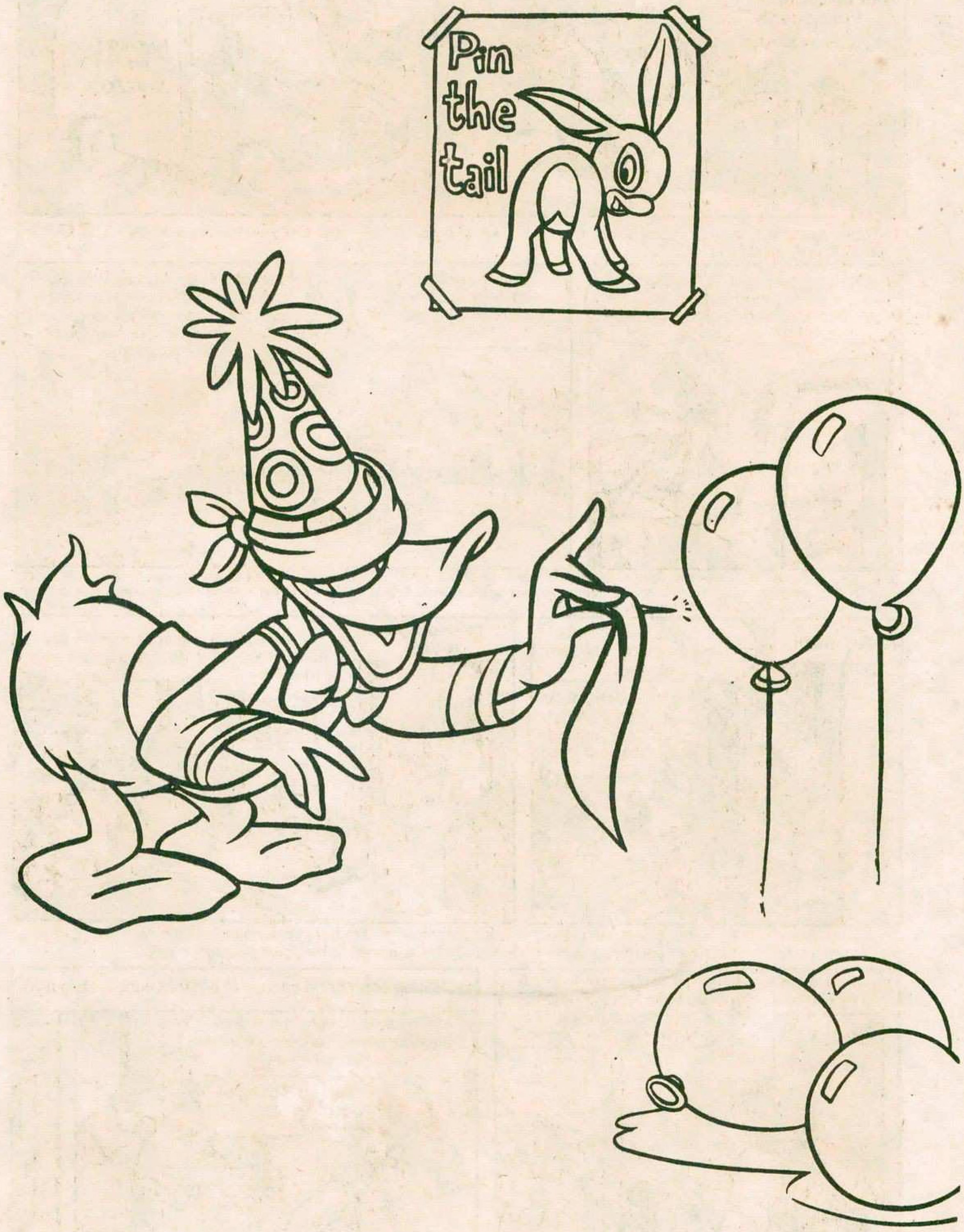
119. I've got to stop! It's too dangerous!
120. No! You can't stop! That's even more dangerous! I'll break the windscreen so you can see!
121. STOP!!!!
122. CRASH
123. RUMBLE
124. I hope you can swim!
125. SCREECH
126. RUMBLE
127. I can swim! But I can't fly!
128. CRUSH
129. You again!
130. Phew! That was a bit of luck!
131. CLUNK
132. CLUNK
133. That wasn't luck! That was clever design! I've changed my pulley system so now, rather than snapping, it pays out more rope when subject to a sudden downward force!
134. You see!? I've planned for everything that might go wrong!
135. I hope that's true!

https://tieulun.hopto.org

136. Trời ơi! Có lẽ không phải tất cả mọi chuyện!
137.
ĐẠI BÀNG
RẦM
138.
ẦM
RỐP
141
142.
TÒA THỊ SẢNH
143
139. Cứu tôi! Tôi không thấy gì cả! Ai đó dừng cái này lại đi!
140. Đây không phải nút dừng khẩn cấp! Mà là lỗ mũi tôi!
144. Tui nó đâu rồi! Một ngàn cuộc hành trình không bị tai nạn nào, mà bây giờ như vầy nè! Chúng đâu?! Ta sẽ giết chúng!
145. Có lẽ chúng ta chỉ cần giải thích điều gì đã xảy ra...
146. Không! Nói với tư cách cố vấn pháp luật của ông thì lời tư vấn chuyên môn của tôi cho ông sẽ là - **biến ngay!**
147. Thế là sau đó...
148. Ông có biết điều làm cho tôi thực sự khó chịu trong toàn bộ vụ này là gì không?! Không phải khí lạnh! Không phải cái món sữa bò chua Tây Tạng! Mà là việc tôi đã làm mất khúc đầu của cây gậy chơi gôn ưng ý nhất của tôi!
149. Thế ông có biết điều gì làm tôi khó chịu không?! Đó là việc chọn môn chơi gôn ngay từ đầu!
4
150.
NGOẠI MÃN CHÂU - SÂN GÔN CUỐI CÙNG TRONG BA NGÀN DẶM

136. Oh dear! Maybe not quite verything!
137. THE EAGLE
138. SPLASH CRASH
139. Help! I can't see a thing! Someone stop this thing!
140. That's not the emergency stop! That's my nose!
141. CRUNCH
142. TOWN HALL
143. THE EAGLE
144. Where are they?! One thousand voyages without an accident and now this! Where are they?! I'm going to kill them!
145. Perhaps if we just explained what happened...
146. No! Speaking as your legal advisor my expert counsel to you would be — disappear!
147. And so, later —
148. You know the one thing that really upsets me about all this?! - It's not the cold! It's not the rancid yak milk! - It's losing that head off my favourite driver!
149. You know what upsets me?! Taking up golf in the first place!
150. OUTER MONCHURIA LAST GOLF COURSE FOR THREE THOUSAND MILES

https://tieulun.hopto.org



Thật là quá lắm! Người ta đã cấm gây tiếng nổ. Thế mà Donald lại...
Các em hãy tô màu theo ý thích.

https://tieulun.hopto.org

CHUỘT MICKEY

Một tài năng trong kinh doanh

Người dịch : NHẬT HỒNG

1. Cậu có cái xe tải mới thật là hết sẩy đó, Mickey!
2. Nó chính là một phần công việc mới bán hàng tận nhà của tớ đấy!
3. GOOFY
4. MÁY HÚT BỤI WHIZZO

D93314

1. That's a spiffy new van y' got there, Mickey! 2. It's part of my new door-to-door business! 3. GOOFY 4. WHIZZO VACUUM CLEANERS

5. Tớ đang bán toàn những mẫu mã mới nhất! Cậu có muốn đi với tớ không?
6. Chắn chắn rồi, tớ sẽ kiểm tra xem thế nào!
7. Tại cậu không biết chứ dạo này có nhiều dịch vụ bán hàng giao tận nhà lắm!
8. Điều đó phụ thuộc vào cách tiếp cận! Cậu phải làm sao để mọi người hưởng ứng cậu, làm cho họ cảm thấy rằng họ có thể tin cậu và sản phẩm của cậu! Đó mới là điểm mấu chốt!
9.

5. I'm selling all the latest models! Care to join me? 6. Sure, I'll check it out! 7. Didn't know there was much door-to-door sellin' these days! 8. Depends on the approach! You've got to get people to respond to you, make them feel they can trust you and your product! That's the key! 9. WHIZZO VACUUM CLEANERS

10. Tuy nhiên...
11. Xin lỗi anh bạn trẻ, nhưng tôi không quan tâm đến nó!
12. Vâng được thôi, thưa bà! Cám ơn bà đã dành thời gian!
13. Điểm dừng chân kế tiếp...
14. Cám ơn đã cho phép tôi trình bày, thưa bà! Xin lỗi nó đã không thuyết phục được bà!

10. However — 11. Sorry, young man, but I'm not interested! 12. Very well, ma'm! Thank you for your time! 13. The next stop — 14. Thank you for allowing me to demonstrate, ma'm! Sorry it didn't convince you!

15. Và điểm kế tiếp...
16. Tất cả những gì chúng tôi có là những tấm thảm nhỏ và tôi chỉ việc đập những cái thảm đó cho sạch bụi!
17. Xin lỗi đã làm phiền ông!
18. Những điểm dừng chân... và nỗi thất vọng... tăng lên...
19. Tôi e rằng không thể đủ khả năng để mua một cái máy hút bụi mới cho đến sang năm!
20. Tôi hiểu! Ôi!

15. And the next — 16. All we have are throw rugs, and I just beat those clean! 17. Sorry to trouble you, sir! 18. The stops... and disappointments... mount— 19. I can't afford a new vacuum until next year, I'm afraid! 20. I understand! Sigh!

https://tieulun.hopto.org

21. Cuối cùng...

22. Đây là một sản phẩm tốt, nhưng thật ra tôi muốn một cái gì đó có tính... thể thao một tí, anh biết ý tôi muốn nói gì chứ!

23. Thể thao hả? Tôi hiểu rồi thưa bà! Ôi trời...

RỒỒỒ 24.

21. Until finally — 22. It's a fine product, but I really wanted something a little more... sporty, if you know what I mean! 23. Sporty? I see, ma'm! Oh, well... 24. ZUMMM

25. Tớ là một thằng bỏ đi, Goofy ạ! Một thất bại hoàn toàn! Tớ nghĩ việc này cứ như là bán dao xắt thịt cho người ăn chay vậy!

26. H...ừ...m!

27. Nói nghe nè, Mickey! Tớ sẽ mua sạch những thứ của cậu, toàn bộ mọi thứ!

28. Cậu sẽ mua ư? Tại sao?

25. I'm a washout, Goofy! A complete flop! I might as well be selling steak knives to vegetarians! 26. Hmmm... 27. Tellya what, Mickey! I'll buy yuh out, lock, stock an' barrel! 28. You will? Why?

29. Tớ có một ý tưởng về tất cả các thứ này mà tớ muốn thử! Hẹn gặp lại!

30. MÁY HÚT BỤI WHIZZO

31. Ngày hôm sau...

32. Tớ thấy cũng là nghề đi chào hàng thôi! Thế cái ý tưởng về việc bán hàng giao tận nhà của cậu ra sao nào?

33. Ồ, tớ không làm những thứ đó đâu, Mickey à! Dân chúng sẽ không mua những thứ vớ vẩn để lau chùi...

29. I got an ideer about all this that I wanna try! Seeya! I see! So what's your idea about selling door to door? 30. WHIZZO VACUUM CLEANERS 31. Next day — 32. On the road, 33. Oh, I ain't doin' that, Mickey! Folks ain't buyin' stuff t' clean with...

34. ...nhưng chắc chắn họ sẽ sẵn sàng thuê một người để dọn dẹp cho họ! Hôm nay tớ đã có những năm việc làm đấy nhá!

35. !

36. DỊCH VỤ DỌN DẸP CỦA GOOFY

34. ...but they're sure ready to hire someone to clean for 'em! I've had five jobs t'day already! 35. ! 36. GOOFY'S CLEANING SERVICE

https://tieulun.hopto.org

CÁC EM ĐÓN XEM TRUYỆN TRANH

WALT DISNEY'S

TẬP 37

Phát hành vào ngày 22-9-1997

Với các câu chuyện

Phù thủy Mervin (Phần 1)

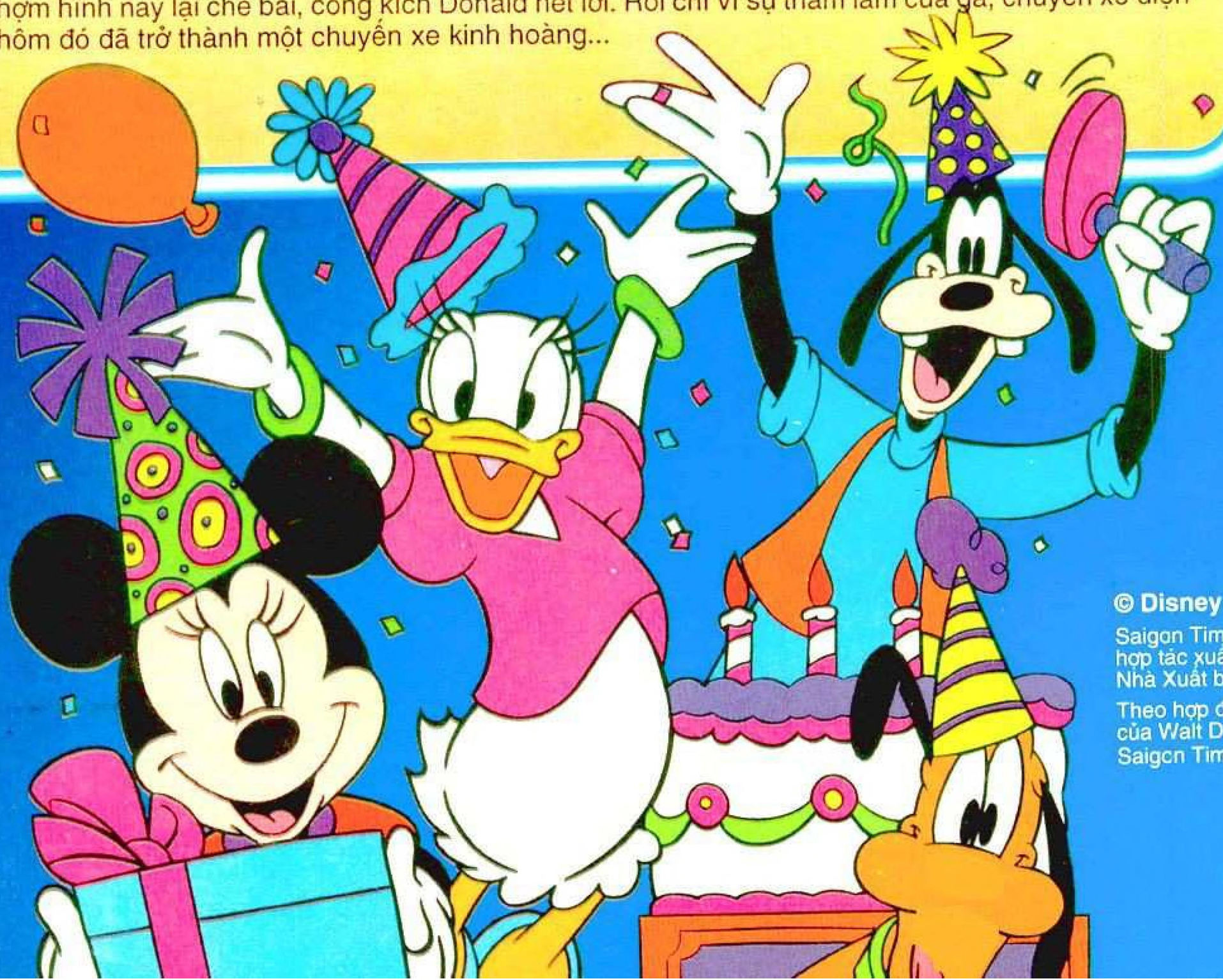
Donald đang cùng ba đứa cháu thong dong du ngoạn đến một khu mỏ vàng cũ bằng xe đạp bỗng "tá hỏa" biết ra bác Scrooge đã lén cài thiết bị theo dõi cả bọn! Vậy là hết được yên vui! Bác Scrooge cấp tốc gửi đến cho Donald một chiếc máy thông minh để bắt Donald tranh thủ kiểm tra xem trong các mỏ còn vàng hay không và báo cáo về cho bác ta. Nhờ chiếc máy, chú cháu Donald phát hiện ra rằng mỏ thì không còn vàng nhưng một ngọn núi gần đó thì làm bằng vàng khối! Cả bọn lần dò vô sâu trong hang núi và vô cùng sửng sốt gặp phù thủy Mervin! Ông phù thủy này là ai, pháp thuật như thế nào và nhất là có gì nguy hiểm đối với các chú vịt của chúng ta không?

Tiều phu thần lực

Sau khi đọc xong "Những truyền thuyết về Paul Bunyan" Mickey đâm ra ngưỡng mộ vóc dáng khổng lồ của anh tiều phu này. Nhờ một người bạn, Mickey đã được toại nguyện : cứ một chốc anh lại bự lên thêm rất nhiều! Nhưng thật là bất ngờ cho Mickey, trong khi anh chàng khoái chí nghĩ rằng sẽ được một mẻ hù dọa Minnie và Goofy ra trò thì chẳng ai mảy may chú ý đến thân hình to tướng của Mickey cả mà chỉ có những lời phàn nàn về những thiệt hại do sự to xác đó gây ra! Đến khi Mickey thấy hối hận đã làm người khổng lồ thì quá muộn... anh to bằng cả thành phố và giẫm nát mọi vật xung quanh! Đau khổ vì không sao trở lại vóc dáng bình thường, Mickey đành trốn vô rừng! Ở đó người ta đang đặt chất nổ để dọn mặt bằng và vụ nổ đã xảy ra đúng lúc Mickey trờ tới...

Câu chuyện trên xe điện

Sau bao nhiêu thất bại trong nhiều nghề khác nhau, lần này Donald làm người lái tàu điện trong thành phố rất thành công, khách hàng thảy điều biết tiếng. Vậy mà hôm đó Daisy lại rủ rê Gladstone, kỳ phùng địch thủ của Donald, đi tàu điện do anh lái cho biết! Như mọi lần, gã anh họ hợm hĩnh này lại chê bai, công kích Donald hết lời. Rồi chỉ vì sự tham lam của gã, chuyến xe điện hôm đó đã trở thành một chuyến xe kinh hoàng...



© Disney Enterprises, Inc

Saigon Times Group
hợp tác xuất bản với
Nhà Xuất bản Trẻ

Theo hợp đồng li-xăng
của Walt Disney dành cho
Saigon Times Group

https://tieulun.hopto.org